

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K02-SN02/2025

Hà Nội, ngày 6 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng K02-SN02/2025 (danh sách kèm theo) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khí đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

+ Học phí bổ túc tiếng Hàn: 920.000 đồng;

+ Tiền khám sức khỏe: 485.000 đối với nam và 515.000 đồng đối với nữ để nộp cho bệnh viện (bao gồm: chi phí khám sức khỏe 365.000 đồng đối với nam, 395.000 đồng đối với nữ; chi phí xét nghiệm lao phổi để xin visa: 70.000 đồng/người; khám tổng quát sàng lọc lao phổi: 50.000 đồng/người);

+ Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian đào tạo: từ ngày 11/01 đến ngày 24/01/2025;

- Thời gian làm thủ tục nhập học: 14h00 Thứ 6 ngày 10/01/2025;

- Địa điểm đào tạo: Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước (nằm trong khuôn viên Trung tâm dạy nghề và đào tạo lao động Sona, địa chỉ: thôn Do Hạ, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội).

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- Hồ sơ xin cấp visa

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.gov.vn mục tải biểu mẫu), Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (01 bản gốc) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản photo 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản photo trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

- Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: **phông màu trắng, mặc áo khác màu với màu phông, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;**

- Chuẩn bị 01 bản photo 02 mặt của CMND/CCCD;

- Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **11/01/2025** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước

+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội

+ Số tài khoản: 1440201030194

+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam *(Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền).*

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa

học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý
Sở./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.HTVL (để nhận tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.



GIÁM ĐỐC

Đặng Huy Hồng



4

DANH SÁCH LAO ĐỘNG MỚI

THAM GIA GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K02-SN02/2025

(Kèm theo Công văn số 9 /TTLĐNN-TCLĐ ngày 06/01/2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
1	50334951	Phạm Trung Dương	30/11/1997	Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	K02SN02-01
2	50337790	Hoàng Ngọc Tuấn	05/02/2004	Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	K02SN02-02
3	50339717	Lê Trọng Nghiêm	06/06/2000	Nam	Bạc Liêu	K02SN02-03
4	51102676	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	04/12/1997	Nữ	Bắc Giang	K02SN02-04
5	51102820	Giang Thị Lan	14/04/1997	Nữ	Bắc Giang	K02SN02-05
6	51102827	Đàm Thị Ly	09/04/1994	Nữ	Bắc Giang	K02SN02-06
7	51102969	Nguyễn Thị Cảnh	30/08/2000	Nữ	Bắc Giang	K02SN02-07
8	51102971	Phan Thị Lan	10/09/2001	Nữ	Bắc Giang	K02SN02-08
9	51120300	Chu Văn Trường	06/09/2004	Nam	Bắc Giang	K02SN02-09
10	50370212	Phạm Hoàng Duy	03/09/1997	Nam	Bắc Kạn	K02SN02-10
11	50338514	Phạm Nguyễn Tuyết Băng	18/07/2005	Nữ	Bến Tre	K02SN02-11
12	50338566	Trần Nhật Nam	01/11/2005	Nam	Bến Tre	K02SN02-12
13	50337459	Lương Trần Tuyết	05/02/1991	Nam	Bình Dương	K02SN02-13
14	50333233	Nguyễn Đăng Khoa	20/06/1986	Nam	Bình Định	K02SN02-14
15	50358604	Đoàn Thế Quy	20/11/1994	Nam	Bình Định	K02SN02-15
16	50337236	Lưu Thị Xuân Quỳnh	21/08/1997	Nữ	Bình Phước	K02SN02-16
17	50336763	Nguyễn Thị Hằng	25/11/2001	Nữ	Bình Thuận	K02SN02-17
18	50336764	Phạm Quang Trường	04/01/2000	Nam	Bình Thuận	K02SN02-18
19	50359252	Nguyễn Minh Phát	07/12/2004	Nam	Bình Thuận	K02SN02-19
20	50359272	Phan Minh Thông	13/08/2002	Nam	Bình Thuận	K02SN02-20
21	50359274	Ngô Văn Tâm	09/04/2001	Nam	Bình Thuận	K02SN02-21
22	50304102	Dương Văn An	01/06/1995	Nam	Cao Bằng	K02SN02-22
23	50339212	Đinh Chí Công	21/03/1999	Nam	Cần Thơ	K02SN02-23
24	50339311	Võ Thị Ánh My	02/06/2000	Nữ	Cần Thơ	K02SN02-24
25	50339347	Lê Minh Nghĩa	09/06/2005	Nam	Cần Thơ	K02SN02-25
26	50339454	Trần Phạm Tuyết Minh	27/10/2001	Nữ	Cần Thơ	K02SN02-26
27	50335930	Nguyễn Minh Tuấn	21/10/1988	Nam	Đắk Lắk	K02SN02-27
28	50335943	Nguyễn Thị Thanh Thúy	15/01/2005	Nữ	Đắk Lắk	K02SN02-28
29	50335947	Nguyễn Quang Huy	05/11/2000	Nam	Đắk Lắk	K02SN02-29
30	50335964	Vi Thị Thu Thủy	29/03/2001	Nữ	Đắk Lắk	K02SN02-30
31	50335970	Phan Thanh Phong	12/11/2002	Nam	Đắk Lắk	K02SN02-31
32	50335971	Nguyễn Hữu Tú	16/12/2004	Nam	Đắk Lắk	K02SN02-32
33	50335991	Hoàng Văn Thuận	01/10/2001	Nam	Đắk Lắk	K02SN02-33
34	50336125	Nguyễn Quốc Việt	16/11/1992	Nam	Đắk Lắk	K02SN02-34
35	50336317	Lê Minh Hải	10/10/1992	Nam	Đắk Nông	K02SN02-35
36	50336354	Cao Văn Thắng	01/03/1998	Nam	Đắk Nông	K02SN02-36
37	50370880	Nguyễn Thị Vân	21/10/1986	Nữ	Điện Biên	K02SN02-37
38	51112078	Nguyễn Văn Hoàng	31/08/1999	Nam	Đồng Nai	K02SN02-38
39	50337549	Đặng Văn Toàn	14/01/2003	Nam	Đồng Nai	K02SN02-39
40	50337551	Nguyễn Phan Thành Nam	10/09/2003	Nam	Đồng Nai	K02SN02-40
41	50337569	Trương Bảo Ngọc	02/10/2001	Nữ	Đồng Nai	K02SN02-41
42	50337596	Dương Hoài Nam	26/02/2002	Nam	Đồng Nai	K02SN02-42
43	50337671	Đào Xuân Mừng	10/02/1992	Nam	Đồng Nai	K02SN02-43
44	51112213	Võ Thị Hồng Diễm	08/02/2000	Nữ	Đồng Tháp	K02SN02-44
45	50337978	Trương Đăng Huy	21/02/2004	Nam	Đồng Tháp	K02SN02-45
46	50304011	Nguyễn Thị Thu	06/06/1996	Nữ	Hà Giang	K02SN02-46

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
47	51101118	Minh Thị Hoa	03/03/2004	Nữ	Hải Dương	K02SN02-47
48	50302114	Đỗ Duy Mạnh	07/06/2005	Nam	Hải Dương	K02SN02-48
49	50302173	Phạm Văn Kiệt	12/08/1998	Nam	Hải Dương	K02SN02-49
50	50302345	Đoàn Văn Hiến	25/01/1992	Nam	Hải Dương	K02SN02-50
51	50302367	Đinh Mạnh Hưng	18/12/2000	Nam	Hải Dương	K02SN02-51
52	50302373	Nguyễn Văn Quyết	05/07/1993	Nam	Hải Dương	K02SN02-52
53	50302403	Nguyễn Ngọc Khiêm	07/06/2002	Nam	Hải Dương	K02SN02-53
54	50302414	Nguyễn Văn Đông	01/05/1989	Nam	Hải Dương	K02SN02-54
55	50302440	Nguyễn Văn Hoàn	05/08/2001	Nam	Hải Dương	K02SN02-55
56	50302461	Nguyễn Hữu Hiếu	21/04/2004	Nam	Hải Dương	K02SN02-56
57	50302474	Phạm Văn Tuấn	26/05/2001	Nam	Hải Dương	K02SN02-57
58	50302494	Đào Đức Phú	06/12/2002	Nam	Hải Dương	K02SN02-58
59	50302703	Phạm Văn Nghĩa	15/12/2000	Nam	Hải Dương	K02SN02-59
60	50302749	Nghiêm Đại Phong	11/02/1994	Nam	Hải Dương	K02SN02-60
61	50302753	Đào Duy Long	26/10/2002	Nam	Hải Dương	K02SN02-61
62	50302761	Vũ Xuân Sơn	01/02/1991	Nam	Hải Dương	K02SN02-62
63	50302772	Trần Văn Tuấn	16/07/1992	Nam	Hải Dương	K02SN02-63
64	50303007	Hồ Văn Đạt	13/07/1997	Nam	Hải Dương	K02SN02-64
65	50303021	Nguyễn Lê Công Thanh	12/10/2002	Nam	Hải Dương	K02SN02-65
66	50303078	Nguyễn Văn Hoàng	08/08/1993	Nam	Hải Dương	K02SN02-66
67	50501263	Đào Thị Chi	23/12/2001	Nữ	Hải Phòng	K02SN02-67
68	50501429	Đỗ Thị Huyền	10/09/1989	Nữ	Hải Phòng	K02SN02-68
69	50301505	Phan Minh Hiếu	20/10/1990	Nam	Hải Phòng	K02SN02-69
70	50301506	Lại Thế Đức	22/09/1991	Nam	Hải Phòng	K02SN02-70
71	50301526	Vũ Văn Thạch	12/06/1990	Nam	Hải Phòng	K02SN02-71
72	50301567	Vũ Phong	29/09/1998	Nam	Hải Phòng	K02SN02-72
73	50301621	Phạm Cao Thế	12/09/2003	Nam	Hải Phòng	K02SN02-73
74	50301626	Mai Văn Cường	08/12/1997	Nam	Hải Phòng	K02SN02-74
75	50301682	Phạm Minh Chiến	05/10/1992	Nam	Hải Phòng	K02SN02-75
76	50301697	Hoàng Văn Ước	03/11/1995	Nam	Hải Phòng	K02SN02-76
77	50301705	Phạm Quang Hường	24/01/2001	Nam	Hải Phòng	K02SN02-77
78	50301706	Đào Hữu Phúc	06/09/1997	Nam	Hải Phòng	K02SN02-78
79	50301722	Đỗ Duy Nhật	13/01/2003	Nam	Hải Phòng	K02SN02-79
80	50301723	Nguyễn Văn Luân	07/12/1995	Nam	Hải Phòng	K02SN02-80
81	50301746	Ngô Hải Duy	20/05/1994	Nam	Hải Phòng	K02SN02-81
82	50301770	Đào Hữu Hiếu	14/06/1995	Nam	Hải Phòng	K02SN02-82
83	50301860	Lưu Trường Thành	16/06/1990	Nam	Hải Phòng	K02SN02-83
84	50301927	Nguyễn Văn Huy	20/01/2001	Nam	Hải Phòng	K02SN02-84
85	50350022	Trịnh Quang Hưng	13/10/1993	Nam	Hải Phòng	K02SN02-85
86	50350032	Nguyễn Văn Đoàn	27/11/1993	Nam	Hải Phòng	K02SN02-86
87	50339013	Phạm Thị Ý Nhi	14/03/2000	Nữ	Hậu Giang	K02SN02-87
88	50339056	Châu Ngọc Định	01/01/1994	Nam	Hậu Giang	K02SN02-88
89	50339109	Huỳnh Trọng Trí	04/08/2002	Nam	Hậu Giang	K02SN02-89
90	51101158	Nguyễn Thị Lan Ánh	05/10/2004	Nữ	Hung Yên	K02SN02-90
91	51101251	Nguyễn Hồng Quyên	09/05/2002	Nữ	Hung Yên	K02SN02-91
92	50303226	Nguyễn Văn Quân	25/01/1993	Nam	Hung Yên	K02SN02-92
93	50303255	An Thế Anh	02/01/2002	Nam	Hung Yên	K02SN02-93
94	50303275	Đỗ Trần Thành Trung	02/02/2000	Nam	Hung Yên	K02SN02-94
95	50303285	Nguyễn Đức Thắng	01/12/2003	Nam	Hung Yên	K02SN02-95

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
96	50303317	Tạ Quang Linh	12/02/2000	Nam	Hưng Yên	K02SN02-96
97	50303356	Nguyễn Văn Hiến	25/09/1991	Nam	Hưng Yên	K02SN02-97
98	50303384	Trần Khánh Duy	09/09/1997	Nam	Hưng Yên	K02SN02-98
99	50303451	Hoàng Văn Hậu	25/09/1994	Nam	Hưng Yên	K02SN02-99
100	50303454	Hoàng Trung Hiếu	20/05/2002	Nam	Hưng Yên	K02SN02-100
101	50303492	Bùi Ngọc Hải	02/10/2000	Nam	Hưng Yên	K02SN02-101
102	50303497	Đào Mạnh Thắng	29/07/2004	Nam	Hưng Yên	K02SN02-102
103	50303608	Phạm Văn Nam	20/07/2000	Nam	Hưng Yên	K02SN02-103
104	51039566	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/11/1993	Nam	Kiên Giang	K02SN02-104
105	50359184	Nguyễn Văn Hoàng	10/03/1998	Nam	Khánh Hòa	K02SN02-105
106	50304546	Nông Chiến Thắng	14/07/2002	Nam	Lạng Sơn	K02SN02-106
107	50304844	Nông Việt Hà	20/12/2003	Nam	Lạng Sơn	K02SN02-107
108	51102427	Nguyễn Văn Mười	19/11/1994	Nam	Phú Thọ	K02SN02-108
109	51102635	Trần Thị Hồng Anh	23/11/2003	Nữ	Phú Thọ	K02SN02-109
110	51110753	Nguyễn T. Kim Hải	13/05/1999	Nữ	Quảng Nam	K02SN02-110
111	50332727	Phan Văn Đức	15/06/2002	Nam	Quảng Nam	K02SN02-111
112	50332775	Phan Văn Thiện	14/08/1994	Nam	Quảng Nam	K02SN02-112
113	50332781	Hồ Thị Bích Trân	30/05/1999	Nữ	Quảng Nam	K02SN02-113
114	50332808	Đỗ Thanh Sơn	18/11/1999	Nam	Quảng Nam	K02SN02-114
115	50332827	Võ Văn Năm	04/02/1995	Nam	Quảng Nam	K02SN02-115
116	50358189	Trần Văn Lộc	12/10/2005	Nam	Quảng Nam	K02SN02-116
117	50358194	Nguyễn Tấn Bưởi	15/05/1991	Nam	Quảng Nam	K02SN02-117
118	50358202	Huỳnh Hoà Nhân	20/04/1989	Nam	Quảng Nam	K02SN02-118
119	50358255	Đặng Sỹ Hùng	24/10/1997	Nam	Quảng Nam	K02SN02-119
120	51103404	Nguyễn Hương Trang	26/06/1999	Nữ	Quảng Ninh	K02SN02-120
121	51103427	Trần Thị Huyền Trang	05/03/2004	Nữ	Quảng Ninh	K02SN02-121
122	51104454	Bàng Thị Thanh Huyền	18/01/2004	Nữ	Quảng Ninh	K02SN02-122
123	50308957	Trần Thị Hồng Nhung	26/08/2000	Nữ	Quảng Ninh	K02SN02-123
124	50309002	Đỗ Thị Dung	11/08/2002	Nữ	Quảng Ninh	K02SN02-124
125	50309024	Phạm Hoàng Điệp	04/12/2002	Nam	Quảng Ninh	K02SN02-125
126	50309141	Nguyễn Thế Duyệt	08/01/2003	Nam	Quảng Ninh	K02SN02-126
127	50309286	Phạm Ngọc Ánh	18/05/2004	Nữ	Quảng Ninh	K02SN02-127
128	50350430	Nguyễn Hào Quang	01/05/2001	Nam	Quảng Ninh	K02SN02-128
129	51131698	Dương Tấn Đoan	23/03/2002	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-129
130	50332917	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	04/02/1998	Nữ	Quảng Ngãi	K02SN02-130
131	50332953	Lê Đình Sang	17/11/1999	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-131
132	50333078	Võ Thành Huỳnh	16/09/2005	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-132
133	50358311	Nguyễn Tấn Trữ	17/06/1995	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-133
134	50358317	Nguyễn Văn Lực	12/11/1997	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-134
135	50358340	Huỳnh Văn Tường	17/12/1996	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-135
136	50358351	Võ Đình Thiện	11/09/1998	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-136
137	50358371	Võ Văn Thái	06/02/1998	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-137
138	50358383	Tiêu Minh Thái	29/08/1995	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-138
139	50358387	Từ Văn Pháp	06/04/1994	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-139
140	50358395	Lê Văn Phương	02/09/1993	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-140
141	50358396	Phạm Quốc Hân	30/06/1996	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-141
142	50358404	Nguyễn Văn Luyện	01/08/1997	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-142
143	50358412	Phạm Văn Đậu	02/11/1998	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-143
144	50358416	Đỗ Hữu Chiến	30/07/1997	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-144

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
145	50358452	Trần Qui	23/03/2000	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-145
146	50358469	Trịnh Ngọc Hùng	10/06/1992	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-146
147	50358495	Nguyễn Văn Phúc	13/05/1994	Nam	Quảng Ngãi	K02SN02-147
148	50337371	Nguyễn Đức Hào	16/10/2005	Nam	Tây Ninh	K02SN02-148
149	50336993	Võ Thị Kim Xuyên	21/11/2001	Nữ	TP Hồ Chí Minh	K02SN02-149
150	50304978	Hoàng Văn Chinh	14/12/1997	Nam	Tuyên Quang	K02SN02-150
151	50304981	Đinh Công Hiếu	04/07/2005	Nam	Tuyên Quang	K02SN02-151
152	50305011	Nguyễn Ngọc Tùng Lâm	04/04/2002	Nam	Tuyên Quang	K02SN02-152
153	50305441	Lê Duy Tuyên	17/07/1993	Nam	Thái Nguyên	K02SN02-153
154	50305465	Lưu Sỹ Công	15/08/1993	Nam	Thái Nguyên	K02SN02-154
155	50305510	Nguyễn Văn Giang	22/04/2003	Nam	Thái Nguyên	K02SN02-155
156	50305528	Nguyễn Văn Tú	24/11/2003	Nam	Thái Nguyên	K02SN02-156
157	50305550	Nguyễn Văn Thuý	18/06/2002	Nam	Thái Nguyên	K02SN02-157
158	50305620	Triệu Sinh Lợi	25/09/2003	Nam	Thái Nguyên	K02SN02-158
159	50305657	Vi Văn Chương	08/01/1998	Nam	Thái Nguyên	K02SN02-159
160	50313060	Triệu Văn Lâm	02/02/1999	Nam	Thái Nguyên	K02SN02-160
161	50313843	Bùi Văn Khiêm	01/12/1994	Nam	Thái Nguyên	K02SN02-161
162	50332247	Lê Văn Minh	04/09/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	K02SN02-162
163	50339501	Nguyễn Vũ Phong	12/09/2004	Nam	Trà Vinh	K02SN02-163
164	50338450	Nguyễn Hoàng Thế Duy	26/04/2002	Nam	Vĩnh Long	K02SN02-164
165	50338451	Võ Thành Đạt	19/12/1996	Nam	Vĩnh Long	K02SN02-165
166	50306564	Ngô Văn Hiền	03/07/1990	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-166
167	50306577	Dương Ngọc Ánh	25/08/2000	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-167
168	50306585	Nguyễn Văn Hưng	06/11/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-168
169	50306586	Cù Đức Toàn	24/08/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-169
170	50306600	Vũ Tuấn Anh	06/06/2004	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-170
171	50306637	Hạ Văn Tiến	01/02/1998	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-171
172	50306661	Nguyễn Thế Dũng	24/11/2002	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-172
173	50306675	Bùi Quốc Dũng	21/11/2004	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-173
174	50306678	Cao Tùng Lâm	26/10/1994	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-174
175	50306684	Nguyễn Văn Nam	09/12/2003	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-175
176	50306740	Dương Công Tính	06/04/1994	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-176
177	50306790	Nguyễn Minh Tiến	28/01/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-177
178	50306867	Trần Tiến Anh	20/09/2002	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-178
179	50306879	Nguyễn Minh Giang	26/10/2000	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-179
180	50306920	Phạm Văn Quân	28/12/2002	Nam	Vĩnh Phúc	K02SN02-180